

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DS-ST
Ngày: 24 – 7 – 2023.
“V/v tranh chấp: Hợp đồng mua
bán tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Huy Tùng.

2/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Đ, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh S.

- Bị đơn:

1/ Ông Thạch Q, sinh năm 1954 (Vắng mặt).

2/ Bà Trương Thị L, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị Đ trình bày:

Vào ngày 30/01/2023, bà Lâm Đ với vợ chồng bà Trương Thị L, ông Thạch Q có thỏa thuận hợp đồng mua bán lúa với nhau. Do có mối quan hệ bà con nên hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Bà Đ bán lúa cho vợ chồng bà L, ông Q 2.854kg lúa x 7.150đ/kg = 20.406.100đ (làm tròn 20.400.000đ). Đến ngày 06/02/2023, vợ chồng bà

L, ông Q trả được 15.400.000đ. Còn nợ lại 5.200.000đ (trong đó 200.000đ là tiền bao đựng lúa).

Sau đó thì nhiều lần vợ chồng bà L, ông Q hứa hẹn cuối cùng thì trả lời là không trả.

Nay bà Lâm Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc vợ chồng bà Trương Thị L, ông Thạch Q cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền mua lúa còn nợ là: 5.200.000đ (Năm triệu, hai trăm nghìn đồng).

Tại biên bản hòa giải ngày 06/6/2023, vợ chồng ông Thạch Q, bà Trương Thị L trình bày:

Vợ chồng ông Q, bà L thừa nhận có nợ bà Đ số tiền 5.200.000đ (Năm triệu hai trăm nghìn đồng). Nhưng số tiền này không phải vợ chồng ông Q, bà L trực tiếp nợ mà do mấy người cất lúa chưa trả cho vợ chồng. Nay vợ chồng ông Q, bà L đồng ý trả số tiền trên cho bà Đ với điều kiện khi nào vợ chồng thu được tiền của các chủ máy cất thì sẽ trả đủ cho bà Đ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 5.200.000đ (Năm triệu, hai trăm nghìn đồng) là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn bà Lâm Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Thạch Q, bà Trương Thị L có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ từ việc mua bán lúa. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

- Tại phiên tòa hôm nay các bị đơn mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng mua bán tài sản giữa các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

- Xét về quá trình thực hiện hợp đồng: Quá trình mua bán lúa vợ chồng ông Q, bà L đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người mua hàng được quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự.

- Qua những lời trình bày của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng ông Q, bà L đã vi phạm nghĩa vụ của bên mua tài sản là không thực hiện đúng phương thức thanh toán như đã thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 433 và Điều 440 Bộ luật dân sự. Do đó bà Đ yêu cầu vợ chồng ông Q, bà L phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Kiểm sát viên tại phiên tòa nêu quan điểm về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 430, Điều 433, Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lâm Thị Đ.

2. Buộc vợ chồng ông Thạch Q, bà Trương Thị L có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Lâm Thị Đ số tiền còn nợ 5.200.000đ (Năm triệu, hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lâm Thị Đ cho đến khi thi hành án xong mà vợ chồng ông Q, bà L chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng ông Thạch Q, bà Trương Thị L phải liên đới nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

- Bà Lâm Thị Đ không phải chịu án phí. Bà Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006778 ngày 16/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị đơn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng